TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/LĐ - ST
Ngày: 29-01-2024
V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Bà Nguyễn Thị Phương Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Huy Trụ

2. Ông Vũ Hùng Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST- LĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc " Tranh chấp về bảo hiểm xã hội ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn**:** Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu 7, xã P.N, thành phố Việt Tri, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T, sinh năm 1982 – Chuyên viên phòng Quản lý thu – sổ thẻ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm L.S, xã L.N, huyện T.S, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Tháng 01/2010 chị Nguyễn Thị Kim N1 là em gái ruột chị có lấy một bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch của chị để xin vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn A tại khu công nghiệp Thụy Vân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, do sự thiếu hiểu biết pháp luật. Tháng 02/2010 chị N1 được công ty trách nhiệm hữu

hạn A ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Chị N1 làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A đến tháng 10/2010 thì thôi việc. Chị N1 đã được cấp sổ bảo hiểm xã hội số 2510001xxx mang tên chị là Nguyễn Thị Ánh N.

Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 bản thân chị đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam tại khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và cũng được công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 250900xxxx.

Hiện nay chị N có hai số sổ bảo hiểm là 2510001xxx do chị N1 đi làm được cấp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A và số sổ 250900xxxx do chị đi làm được cấp tại công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu khoảng thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của số sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Ánh N tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010, tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ánh N (do chị Nguyễn Thị Kim N1 mượn hồ sơ tên chị để ký) với Công ty trách nhiệm hữu hạn A là vô hiệu. Chị nhất trí với số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ và đồng ý trả lại số tiền này cho chị Nguyễn Thị Kim N1.

Chị N đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Trần Anh T – Chuyên viên phòng quản lý thu – sổ , thẻ Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ trình bày:

Qua rà soát trên hệ thống, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ phát hiện trường hợp bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1990 ở xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có 02 số sổ bảo hiểm xã hội và thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến háng 10/2010.

Số sổ 1: 2510001xxx được cấp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Số sổ 2: 250900xxxx được cấp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày là do thiếu hiểu biết pháp luật nên đã cho chị Nguyễn Thị Kim N1 mượn hồ sơ để đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Trong thời gian chị N1 đi làm dưới tên chị N tại Công ty TNHH A thì chị N đang làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam. Vì vậy người ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A là chị Nguyễn Thị Kim N1. Đối với việc đóng bảo hiểm xã hội: Sau khi công ty và người lao động ký kết hợp đồng lao động, công ty sẽ gửi hồ sơ, danh sách người lao động

đến cơ quan bảo hiểm xã hội để làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật. Điều này dẫn đến chị Nguyễn Thị Dung có hai số sổ bảo hiểm xã hội trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội tại hai nơi làm việc khác nhau.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N như sau:

Để đảm bảo quyền lợi cho chị Nguyễn Thị Ánh N, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Việt Trì:

1. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và Công ty trách nhiệm hữu hạn A là vô hiệu.

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại sổ bảo hiểm xã hội số 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N tại nơi làm việc là Công ty trách nhiệm hữu hạn A, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ với số tiền là: 2.122.800đ (Hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng) theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, do điều kiện công việc nên Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim N1 trình bày:

Tháng 01/2010, do chị thiếu hiểu biết pháp luật nên đã lấy 01 bộ hồ sơ sơ yếu lý lịch mang tên chị Nguyễn Thị Ánh N là chị gái ruột của chị để ký hợp đồng lao động với công ty trách nhiệm hữu hạn A, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ký hợp đồng lao động chị N được Công ty trách nhiệm hữu hạn A đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ bảo hiểm 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N. Chị N1 làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A đến tháng 10/2010 thì thôi việc.

Trong khoảng thời gian chị N1 đi làm tại công ty trách nhiệm hữu hạn A, chị Nguyễn Thị Ánh N cũng đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam tại khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, chị N cũng được công ty đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

Hiện nay chị N có 02 số sổ bảo hiểm xã hội: Số sổ 1: 2510001xxx do chị đi làm được cấp tại Công ty TNHH A và sổ số 2: 250900xxxx do chị N đi làm được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam, và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010

Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã phá sản vào năm 2019, chị cũng không còn lưu giữ hợp đồng lao động giao kết giữa chị và công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Chị N1 nhất trí với yêu cầu của chị N đề nghị Tòa án thoái thu thời gian

đóng trùng bảo hiểm xã hội của số sổ 2510001xxx từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 mang tên Nguyễn Thị Ánh N, do chị đi làm tại Công ty TNHH A được cấp, đề nghị Tòa án giải quyết hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH A và chị (ký bằng tên của chị N) là vô hiệu.

Chị nhất trí với số tiền thoái thu theo sự tính toán của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ

Chị Nguyễn Thị Kim N1 đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và Công ty trách nhiệm hữu hạn A là vô hiệu, buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/1020 đến tháng 10/2010 tại sổ bảo hiểm số 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N tại nơi làm việc là Công ty trách nhiệm hữu hạn A, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị N, chị N1 và đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ ông Trần Anh Tuấn đều đề nghị được xét xử vắng mặt và đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N, chị N1 và Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ. Do Tòa án không tiến hành việc thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2016/TTLT - VKSNDTC - TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn

Thị Ánh N và Công ty trách nhiệm hữu hạn A là vô hiệu; buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại sổ bảo hiểm số 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N tại nơi làm việc là Công ty TNHH A, khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị Ánh N, lời khai của chị Nguyễn Thị Kim N1 thời điểm từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010, người thực tế làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn A là chị Nguyễn Thị Kim N1 nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn A lại đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị Ánh N. Thực tế từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010, chị Nguyễn Thị Ánh N đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam tại Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và cũng được đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 250900xxxx. Chính việc này dẫn đến hệ quả là chị Nguyễn Thị Ánh N có khoảng thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại số sổ bảo hiểm 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N.

Hiện nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã phá sản, Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ và chị Nguyễn Thị Kim N1 không lưu giữ hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn A và chị Nguyễn Thị Ánh N nhưng căn cứ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, thời điểm chị Nguyễn Thị Kim N1 lấy tên của chị Nguyễn Thị Ánh N để làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A giữa hai bên phải có hợp đồng lao động thì công ty trách nhiệm hữu hạn A mới làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị Ánh N. Mặt khác cùng thời điểm tháng 02/2010 đến tháng 10/2010, chị Nguyễn Thị Ánh N đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam tại khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ và cũng được đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 250900xxxx. Chị Nguyễn Thị Ánh N không thể một mình đi làm tại hai công ty cùng một thời điểm được, vì thế có căn cứ xác định người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn A từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 không phải là chị Nguyễn Thị Ánh N mà là chị Nguyễn Thị Kim N1. Do đó hợp đồng lao động giao kết giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và công ty trách nhiệm hữu hạn A vô hiệu do có sự lừa dối vì không đúng chủ thể giao kết hợp đồng. Hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu là chị Nguyễn Thị Ánh N có khoảng thời gian bị đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại số sổ bảo hiểm 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N. Việc đóng trùng bảo hiểm xã hội ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Ánh N khi tham gia Bảo hiểm xã hội nên cần chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và Công ty trách nhiệm hữu hạn A là vô hiệu; buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại số sổ bảo hiểm 2510001xxx mang tên Nguyễn Thị Ánh N.

Đối với số tiền thoái thu bảo hiểm 2.122.800đ (Hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng) trả cho chị Nguyễn Thị Kim N1 là người thực tế làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn A, chị Nguyễn Thị Ánh N cũng nhất trí trả lại số tiền thoái thu này cho chị N1, đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp với quy định của pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ánh N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm và không yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ phải chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ánh N nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 132, 137, 389 Bộ Luật dân sự 2005; Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994, Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006; khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh N

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Ánh N và Công ty trách nhiệm hữu hạn A (Khu công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ) vô hiệu.

Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Nguyễn Thị Ánh N tại Công ty trách nhiệm hữu hạn A khu Công nghiệp Thụy Vân từ tháng 02/2010 đến tháng 10/2010 tại số sổ bảo hiểm 2510001xxx với số tiền là: 2.122.800đ (Hai triệu một trăm hai mươi hai nghìn tám trăm đồng), trả cho chị Nguyễn Thị Kim N1.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0005762 ngày 22/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phốViệt Trì.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THA DS tp Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Phương Hoa